| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN CẦU GIẤY**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **37**/2020/QĐST-HNGĐ | *Cầu Giấy, ngày 30 tháng 01 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN T1ẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA T1ẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ và Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020, về việc *"Yêu cầu công nhận T1ận tình ly hôn"* giữa:

*Người yêu cầu:*

**1. Anh Lê Hồng T, sinh năm 1980;**

Số CMND: 001080010628 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 19/01/2016

ĐKHKTT và chỗ ở: 101A, tổ 16 phường N Đ, quận Cầu Giấy, Hà Nội;

**2. Chị Đặng Thị Lệ T1 sinh năm 1980;**

Số CMND: 001180003701 do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 29/10/2014;

ĐKHKTT và ở: Số 30 ngõ 49 Trần Cung, phường N T, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]** Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1 đăng ký kết hôn ngày 23/01/2006 tại Uỷ ban nhân dân phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh T và chị T1 đã tự hòa giải với nhau nhiều lần nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện, vợ chồng tôi không thể hòa hợp và không còn yêu thương nhau nữa. Anh chị đã ly thân kể từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T và chị T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy anh chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn để ổn định lại cuộc sống.

**[2]** Về con chung: Anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1 có 02 con chung là cháu Lê Trọng B A (giới tính nam), sinh ngày 26/09/2007 và cháu Lê K A (giới tính nữ), sinh ngày 21/09/2012. Ly hôn, anh chị thỏa thuận: Giao cháu Lê Trọng B A cho anh Lê Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê K A cho chị Đặng Thị Lệ T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

**[3]** Về tài sản chung: Anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4]** Về nợ chung: Anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1 không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5]** Về lệ phí: Anh Lê Hồng T tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

**Xét thấy**: Việc yêu cầu công nhận T1ận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T1ận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận T1ận tình ly hôn và sự thoả T1ận của các đương sự cụ thể như sau:**

**- Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1.

**- Về con chung:** Anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1 có 02 con chung là cháu Lê Trọng B A (giới tính nam), sinh ngày 26/09/2007 và cháu Lê K A (giới tính nữ), sinh ngày 21/09/2012. Giao cháu Lê Trọng B A cho anh Lê Hồng T trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Lê K A cho chị Đặng Thị Lệ T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: Anh T và chị T1 không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1 có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**- Về tài sản chung**: Anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét.

**- Về nợ chung**: Anh Lê Hồng T và chị Đặng Thị Lệ T1 không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Anh Lê Hồng T tự nguyện nhận nộp cả 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh T đã nộp tạm ứng lệ phí tại biên lai số AA/2018/0003217 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cầu Giấy. Anh T đã nộp đủ lệ phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- VKSND Q.Cầu Giấy;*
*- Chi cục THADS Q.Cầu Giấy;*
*- UBND phường Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội (GCNKH số 06, quyển số 01/2006);*
*- Lưu HS, VP.*

**Tạ Thị T1 Hương**